

嘉南藥理大學學生行為規範及獎懲實施要點

Đại học dược Gia Nam Quy tắc ứng xử của sinh viên

và

Các điểm chính của việc thực hiện khen thưởng và xử phạt

- 民國92年10月31日報部核備通過
Trung Hoa Dân Quốc, ngày 31/10/2003 thông qua Bộ giáo dục thẩm định
民國101年6月13日學生獎懲委員會議修正通過
Trung Hoa Dân Quốc, ngày 13/6/2012 Ủy ban thưởng phạt học sinh sửa đổi và phê duyệt
民國101年10月24日學生獎懲委員會議修正通過
Trung Hoa Dân Quốc, ngày 24/10/2012 Ủy ban thưởng phạt học sinh sửa đổi và phê duyệt
民國101年11月01日經教育部同意備查
Trung Hoa Dân Quốc, ngày 01/11/2012 được sự đồng ý của Bộ giáo dục để về sau tham khảo
民國102年01月09日學生獎懲委員會議修正通過
Trung Hoa Dân Quốc, ngày 09/01/2012 Ủy ban thưởng phạt học sinh sửa đổi và phê duyệt
民國106年01月04日學生獎懲委員會議修正通過
Trung Hoa Dân Quốc, ngày 04/01/2017 Ủy ban thưởng phạt học sinh sửa đổi và phê duyệt
民國106年02月02日經教育部同意備查
Trung Hoa Dân Quốc, ngày 02/02/2017 trình báo Bộ giáo dục đồng ý
民國107年01月03日學生獎懲委員會議修正通過
Trung Hoa Dân Quốc, ngày 03/01/2018 Ủy ban thưởng phạt học sinh sửa đổi và phê duyệt
民國107年02月01日經教育部同意備查
Trung Hoa Dân Quốc, ngày 01/02/2018 trình báo Bộ giáo dục đồng ý
民國107年06月28日學生獎懲委員會議修正通過
Trung Hoa Dân Quốc, ngày 28/06/2018 Ủy ban thưởng phạt học sinh sửa đổi và phê duyệt
民國107年07月18日經教育部同意備查
Trung Hoa Dân Quốc, ngày 18/07/2018 trình báo Bộ giáo dục đồng ý
民國108年01月10日學生獎懲委員會議修正通過
Trung Hoa Dân Quốc, ngày 10/01/2019 Ủy ban thưởng phạt học sinh sửa đổi và phê duyệt
民國108年03月06日學生獎懲委員會議修正通過
Trung Hoa Dân Quốc, ngày 06/03/2019 Ủy ban thưởng phạt học sinh đã sửa đổi và phê duyệt
民國108年05月30日學生獎懲委員會議修正通過
Trung Hoa Dân Quốc, ngày 30/05/2019 Ủy ban thưởng phạt học sinh sửa đổi và phê duyệt
民國108年06月19日經教育部同意備查
Trung Hoa Dân Quốc, ngày 19/06/2019 trình báo Bộ giáo dục đồng ý
民國111年04月07日學生獎懲委員會議修正通過
Trung Hoa Dân Quốc, ngày 07/04/2022 Ủy ban thưởng phạt học sinh sửa đổi và phê duyệt
民國111年04月26日經教育部同意備查
Trung Hoa Dân Quốc, ngày 26/04/2022 trình báo Bộ giáo dục đồng ý

嘉南藥理大學(以下簡稱本校)為培育本校學生高尚品德，樹立優良學風，依據大學法及本校學則規定辦理，訂定「嘉南藥理大學學生行為規範及獎懲實施要點」(以下簡稱本要點)。 Trường Đại học dược Gia Nam (dưới đây gọi tắt là nhà trường) nhằm rèn luyện phẩm chất đạo đức cao quý của sinh viên, căn cứ vào luật Đại học và Nội quy học tập của nhà trường, lập ra “Quy tắc ứng xử của sinh viên và Các điểm chính của việc thực hiện khen thưởng và xử phạt của Trường Đại học dược Gia Nam” (dưới đây gọi là nội dung).

學生行為規範：

Quy tắc ứng xử của sinh viên:

以「真實」為校訓，尊生命，真實面對生活，追尋生命之真理。

Lấy “thành thật” làm phương châm của nhà trường, tôn trọng tính mạng, đối mặt với cuộc sống một cách chân thật, theo đuổi chân lý cuộc sống.

以誠待人，瞭解個體差異性，相互尊重與信任，不誇張不隱瞞，不歪曲事實，不貪小便宜，實事求是。 Đối xử chân thành với mọi người, hiểu rõ sự khác biệt của từng cá nhân, tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau, không phóng đại, không che giấu, không bóp méo sự thật, không tham lam lợi ích nhỏ và phải tìm kiếm sự thật.

凡本校學生應守時、守紀律、守本分、盡己之力完成分內工作、盡義務負責任等。 Tất cả sinh viên trong trường phải tuân thủ đúng giờ, kỷ luật, bổn phận của mình, cố gắng hoàn thành công việc, thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của bản thân, v.v.

不說謊、不欺騙、凡作錯事，應勇於認錯，誠實以對，為自己的行為負責。 Không nói dối, không lừa dối, khi làm điều sai trái phải dũng cảm nhận lỗi, thành thật đối mặt, và chịu trách nhiệm về hành động của bản thân.

學生應作息正常遵守規定，不遲到、不早退，潔身自愛，嚴以律己，寬以待人。 Sinh viên nên chấp hành nội quy làm việc và nghỉ ngơi bình thường, không đi muộn, không về sớm, vệ sinh cá nhân sạch sẽ, nghiêm khắc với bản thân, khoan dung với người khác.

凡事自動自發，愛人愛己，關懷他人，己所不欲，勿施於人，勿以惡小而為之，勿以善小而不為。 Mọi việc phải tự giác, yêu quý mọi người và bản thân, quan tâm đến người khác, những điều mình không muốn thì không nên làm với người khác, không nên làm điều ác dù là nhỏ, việc thiện dù là nhỏ cũng nên làm.

凡事多思考、不衝動、不散漫、不草率，尊師重道，做事積極，以幫助他人，以團體利益為前提，並維護學校之榮譽。

Suy nghĩ thấu đáo về mọi việc, không kích động, không tùy tiện, không qua loa, tôn sư trọng đạo, làm việc tích cực, lấy sự giúp đỡ người khác, lấy lợi ích tập thể làm tiền đề, đồng thời giữ gìn danh dự của nhà trường.

學生獎懲實施要點分獎勵、懲罰兩類，依照操行成績評定辦法加減操行成績：

Điểm chính của việc thực hiện khen thưởng và xử phạt đối với sinh viên được chia thành hai loại: khen thưởng và xử phạt, dựa theo biện pháp đánh giá thành tích hạnh kiểm, để cộng hoặc trừ hạnh kiểm:

獎勵：分記-嘉獎、小功、大功、其他獎勵（獎品、獎狀、公開表揚）等。

Khen thưởng: Chia làm - Tuyên dương, Công nhỏ, Công lớn, và các khen thưởng khác (tặng vật phẩm, giấy khen, công khai khen ngợi).

懲罰：分記-申誡、小過、大過、定期察看、退學、開除學籍等。

Xử phạt: Chia làm - Cảnh cáo, Lỗi nhỏ, Lỗi lớn, Quan sát định kỳ, Đuổi học, Hủy tư cách sinh viên, v.v.

凡合於下列之一者，得予記嘉獎：

Nếu có một trong những trường hợp sau đây, sẽ nhận được Khen thưởng:

拾金(物)不昧，價值輕微者。

Nhặt được vàng (vật) **không màng, với giá trị thấp.**

勸告同學向善或幫助同學有具體事實者。

Khuyến nhủ bạn học hướng thiện, **hoặc giúp đỡ bạn học có sự việc cụ thể.**

熱心服務公勤有具體事實堪為表率者。

Nhiệt tình **phục vụ công ích**, có những việc làm cụ thể xứng đáng nêu gương.

參加校內外各項競賽或課外活動**表現**良好者。

Tham gia các buổi hoạt động ngoại khóa trong và ngoài trường, **có biểu hiện** tốt.

維護校產，愛惜公物有具體事實者。

Có những hành động thực tế trong việc giữ gìn bảo vệ tài sản chung của nhà trường.

凡合於下列之一者，得予記小功：

Nếu có một trong những trường hợp sau đây, sẽ được ghi Công nhỏ:

代表學校參加**地區性**校外**正式**活動或比賽前三名或全國性活動或比賽成績優秀者。

Đại diện cho trường tham gia các hoạt động hoặc các cuộc thi **chính thức mang tính khu vực, xếp vị trí TOP 3**, hoặc có thành tích xuất sắc trong các hoạt động hoặc cuộc thi mang tính toàn quốc.

擔任學校各類幹部，按時出席各項集會，執行公務均能如期完成者。

Đảm nhận các vị trí cán bộ trong trường, tham gia các cuộc họp đúng giờ, đều hoàn thành các nhiệm vụ được giao đúng thời hạn.

見義勇為、熱心公益、敬老扶幼有具體事實者。

Có hành động dũng cảm, trọng nghĩa, nhiệt tình làm công ích, tôn trọng người già, giúp đỡ người trẻ.

拾金(物)不昧，價值較大者。

Nhặt được vàng (vật) không màng, giá trị lớn.

參加各項服務工作，績效卓越者。

Tham gia các công việc phục vụ khác nhau, đạt thành tích xuất sắc.

維護校園安寧、同學安全、有具體事實者。

Có hành vi cụ thể về việc giữ gìn an ninh và an toàn của bạn học trong trường.

行為有特殊優良事蹟，足為學生楷模者。

Có những việc làm tốt đặc biệt, đủ để gương cho các sinh viên khác.

凡合於下列之一者，並經學生獎懲委員會審議通過，得予記大功或其他獎勵：

Nếu có một trong những trường hợp sau đây, đồng thời được Ủy ban khen thưởng và xử phạt sinh viên xét duyệt và thông qua, thì được ghi Công lớn hoặc khen thưởng khác:

- (一) 對學校、社會有重大貢獻，並經相關單位推薦者。
Những người có đóng góp to lớn cho nhà trường, xã hội, đồng thời được các đơn vị liên quan tiến cử.
- (二) 有特殊之義勇行為足為學生楷模者。
Những người có hành động đặc biệt chính nghĩa dũng cảm, đủ để làm gương cho các sinh viên khác.
- (三) 代表學校參加全國性(第一名、冠軍、金牌)或國際性(前三名)比賽成績優異者。
Đại diện cho trường tham gia các cuộc thi toàn quốc (đạt giải nhất, giải vô địch, huy chương vàng) hoặc các cuộc thi quốc tế (TOP 3) với kết quả xuất sắc.
- (四) 擔任全校性學生幹部，負責盡職經評選或推薦優良者。
Đảm nhiệm vai trò cán bộ sinh viên trong toàn trường, làm việc hết trách nhiệm, thông qua đánh giá lựa chọn hoặc tiến cử.
- (五) 其他特殊事蹟，經獎懲委員會審議應予獎勵者。
Các việc làm đặc biệt khác, được Ủy ban khen thưởng và xử phạt xem xét, đưa ra quyết định khen thưởng
- (六) 其他合於大功或其他獎勵之事蹟者。
Các việc làm khác được ghi Công lớn hoặc các khen thưởng khác.

凡合於上述第四點至第六點之獎勵標準，予以獎勵外，其餘學生班級(社團)幹部之表現，及參加校內外各項競賽獲獎之情形，得依「嘉南藥理大學班級(社團)幹部暨學生校內外各項競賽獎勵標準表」辦理議獎，獎勵標準表另訂之。

Những khen thưởng đáp ứng các tiêu chuẩn từ điểm 4 đến điểm 6 ở trên, ngoài việc khen thưởng, ngoài ra, những biểu hiện khi sinh viên đảm nhận cán bộ lớp (câu lạc bộ), những thành tích tham gia các cuộc thi trong và ngoài trường, sẽ được dựa theo “Bảng tiêu chuẩn khen thưởng dành cho sinh viên làm cán bộ lớp (câu lạc bộ) và tham gia các cuộc thi trong và ngoài trường của Đại học Dược Gia Nam” để xử lý, bảng tiêu chuẩn khen thưởng sẽ được quy định riêng.

凡合於下列之一者，得予記申誡：

Nếu có một trong những trường hợp sau đây, sẽ bị ghi Cảnh cáo:

- (一) 藉故與同學爭吵口出惡言者。
Mượn có cãi nhau với bạn học, dùng những lời lẽ ác ý.
- (二) 集會、上課中影響秩序，經勸導而未改善者。
Những người làm ảnh hưởng đến trật tự trong các cuộc họp, trong lớp học, sau khi được nhắc nhở nhưng không cải thiện.
- (三) 擔任幹部，無故規避責任，無故未參加幹部集合。
Là cán bộ nhưng trốn tránh trách nhiệm, không tham gia hội họp cán bộ không có lý do.
- (四) 未實施垃圾分類資源回收，經勸導而未改善者。
Chưa thực hiện sát thực việc phân loại rác tái chế, sau khi được nhắc nhở nhưng không cải thiện.
- (五) 借用公物、書籍逾期、未還者。
Mượn tài sản chung hoặc sách quá hạn, hoặc không trả.
- (六) 未依規定，無故不參加重要集會、活動、講習、比賽者。
Không tuân theo quy định, không tham gia các cuộc họp quan trọng, hoạt động, bài giảng, cuộc thi **mà không có lý do**.
- (七) 違反本校學生宿舍住宿規則者。
Vi phạm nội quy ký túc xá của trường.
- (八) 破壞校園環境，製造髒亂者。
Phá hủy, gây ra sự bừa bãi môi trường khuôn viên trường.
- (九) 未於規定場所任意張貼海報公告者。
Tự ý treo dán thông báo, áp phích không đúng nơi quy định.
- (十) 騎乘機車不戴安全帽者。
Đi xe máy không đội mũ bảo hiểm.
- (十一) 車輛未依規定任意停放者。
Đậu các phương tiện giao thông không đúng nơi quy định.
- (十二) 違反本校菸害防治實施辦法者。
Vi phạm các biện pháp phòng chống tác hại của thuốc lá trong nhà trường.
- (十三) 拾物不送招領，據為己有者。
Nhặt được đồ không trả lại, giữ làm của riêng.

(十四)在公共場所不遵守秩序或高聲喧嚷經勸導仍不改正者。

Gây mất ồn ào mất trật tự nơi công cộng, sau khi được nhắc nhở nhưng không cải thiện.

(十五)經性別平等教育委員會確認判定，性騷擾、性霸凌成立，情節輕微，且於調查過程中具誠意悔改者。

Ủy ban giáo dục bình đẳng giới tính phán định là có hành vi quấy rối tình dục, bạo lực tình dục, tình tiết nhẹ, đồng thời trong quá trình điều tra thành tâm hối cải.

(十六) 其他違規行為相當於以上各款情事者。

Các hành vi vi phạm khác tương đương với các trường hợp trên.

九、凡合於第八點所列各項累犯或違反下列之一者，得予記小過：

Nếu tái phạm hoặc vi phạm một trong các trường hợp được nhắc đến ở điểm 8, sẽ bị ghi Lỗi nhỏ:

(一) 違反學術網路管理規範、資通安全管理規範、個人資料保護法、著作權法初犯者。

Vi phạm quy tắc quản lý học thuật mạng, quy tắc quản lý an toàn thông tin, luật bảo vệ dữ liệu cá nhân, vi phạm luật bản quyền lần đầu.

(二) 侮謾、矇騙師長有具體事證者。

Xúc phạm, lừa dối thầy/ cô giáo, có sự việc cụ thể.

(三) 個人違反學校考試規則者。

Cá nhân vi phạm nội quy thi của nhà trường.

(四) 進入賭場、情色場所等不正當場所者。

Vào những nơi không đứng đắn như sòng bạc, những nơi khiêu dâm, v.v.

(五) 非經宿舍輔導員許可，擅自留宿他人或進入他人宿舍留宿者。

Chưa được sự đồng ý của nhân viên quản lý ký túc xá, tự ý đưa người khác vào ký túc xá của mình, hoặc ở lại ký túc xá của người khác.

(六) 在校外實習或服務，不服單位指導有具體事實者。

Khi thực tập hoặc phục vụ ở ngoài trường, không phục tùng theo sự hướng dẫn của đơn vị, có sự việc cụ thể.

(七) 違反本校實驗或實習場所相關管理辦法、管理規則者。

Vi phạm các biện pháp, quy định quản lý có liên quan đến địa điểm thí nghiệm hoặc thực tập của trường học.

(八) 擔任各級幹部漠視交辦任務，致影響學生權益有具體事實者。

Đảm nhiệm các cấp cán bộ, xem thường trách nhiệm được giao, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của sinh viên, có sự việc cụ thể.

- (九) 對他人以明示之方法，從事不受歡迎，且具性意味或性別歧視之言語者。
Dùng những lời nói rõ ràng để chỉ dẫn người khác làm những sự việc không được ưa thích, và có hàm ý liên quan đến tình dục hoặc kỳ thị giới tính.
- (十) 有施暴、竊盜、侵佔、毀損、滋事、霸凌、縱火或其他侵害他人權益之行為，情節較輕或其情可憫者。
Có hành vi bạo lực, trộm cắp, chiếm đoạt, phá hoại, gây rối, bắt nạt, phóng hỏa, hoặc các hành vi xâm hại đến quyền lợi của người khác, với các tình tiết nhẹ hoặc có thể thông cảm.
- (十一) 經性別平等教育委員會確認判定性騷擾、性霸凌或性侵害案件成立，情節輕微者。
Ủy ban giáo dục bình đẳng giới tính phán định là có hành vi quấy rối tình dục, bạo lực tình dục, xâm hại tình dục, tình tiết nhẹ.
- (十二) 其他違規行為相當於以上各款情事者。
Các hành vi vi phạm khác tương đương với các trường hợp nêu trên.

十、凡合於第九點所列各項累犯或違反下列之一者，並經學生獎懲委員會審議通過，得予記大過處分：

Nếu tái phạm hoặc vi phạm một trong các trường hợp được nhắc đến ở điểm 9, đồng thời sau khi thông qua hội nghị của Ủy ban khen thưởng và xử phạt, sẽ bị ghi Lỗi lớn và xử phạt:

- (一) 有施暴、竊盜、侵佔、強制、恐嚇、毀損、滋事、霸凌、縱火或其他不良行為，情節重大者。
Những hành vi không đúng đắn như bạo lực, trộm cắp, chiếm đoạt, ép buộc, đe dọa, phá hoại, gây rối, bắt nạt, phóng hỏa, v.v. , tình tiết nặng.
- (二) 集體違反學校考試規則者。
Tập thể vi phạm nội quy thi của trường học.
- (三) 冒用、偽造、塗改請假單或其他文件，偽造文書者。
Giả mạo, thay đổi, chỉnh sửa đơn xin nghỉ phép hoặc các tài liệu khác, làm giả văn thư.
- (四) 在校外擾亂公眾秩序，影響安全有具體事實者。
Gây rối trật tự công cộng ngoài trường, làm ảnh hưởng đến an toàn, có sự việc cụ thể.
- (五) 違反毒品危害防治條例者。
Vi phạm các điều lệ về phòng chống tác hại của ma túy, các chất cấm.
- (六) 蓄意破壞公物，撕毀或污損校園破壞景觀者。
Cố tình phá hoại tài sản công cộng, phá hoại hoặc làm bẩn khuôn viên cảnh quang trường học.

- (七) 蓄意擾亂學校行政，妨礙教職員或同學執行公務者。
Cố tình gây rối hành chính trường học, cản trở giáo viên, nhân viên hoặc bạn học thi hành công vụ.
- (八) 持有槍砲彈藥刀械管制條例中所列違禁物品者。
Sở hữu các vật cấm được liệt kê trong quy định về kiểm soát súng đạn và dao.
- (九) 經性別平等教育委員會確認判定性騷擾、性霸凌或性侵害案件成立，情節未達重大者。
Ủy ban giáo dục bình đẳng giới tính phán định là có hành vi quấy rối tình dục, bạo lực tình dục, hoặc xâm hại tình dục, tình tiết chưa đến mức độ nặng.
- (十) 其他違規行為相當於以上各款情事者。
Các hành vi vi phạm các quy định khác tương đương với các trường hợp nêu trên.

十一、凡合於第十點所列各項累犯或違反下列之一者，經學生獎懲委員會審議通過，得予定期察看之處分：

Nếu tái phạm hoặc vi phạm một trong các trường hợp được nhắc đến ở điểm 10, đồng thời sau khi thông qua hội nghị của Ủy ban khen thưởng và xử phạt, sẽ bị xử phạt quan sát định kỳ:

- (一) 違犯校規功過相抵達大過兩次小過兩次者。
Vi phạm nội quy nhà trường, sau khi dùng công bù vào, còn 2 Lỗi lớn và 2 Lỗi nhỏ.
- (二) 威脅師長或破壞其名譽有具體事證者。
Đe dọa, hoặc làm tổn hại đến uy tín danh dự của giáo viên, có sự việc cụ thể.
- (三) 架設色情暴力網站有具體事證者。
Thiết lập các trang web khiêu dâm và bạo lực, có sự việc cụ thể.
- (四) 觸犯法令，經法院判刑確定，受緩刑之宣告者。
Vi phạm pháp luật, đã bị tòa án tuyên án phạt và cho hưởng án treo.
- (五) 對同學施暴，致使其受到嚴重傷害者。
Đánh nhau với bạn học, dẫn đến thương tích nghiêm trọng.
- (六) 經性別平等教育委員會確認判定性騷擾、性霸凌或性侵害案件成立，情節重大
Ủy ban giáo dục bình đẳng giới tính phán định là có hành vi quấy rối tình dục, bạo lực tình dục, hoặc xâm hại tình dục, tình tiết nặng.
- (七) 其他經獎懲委員會審議通過定期察看者。
Đã thông qua Ủy ban khen thưởng và xử phạt quyết định quan sát định kỳ.

前項處以定期察看者除第一款外，均另核給兩大過兩小過之處分。

Hình phạt Quan sát định kỳ được nhắc ở Điều trên, đều cần ghi phạt thêm 2 Lỗi lớn và 2 Lỗi nhỏ.

前項另經學生獎懲委員會審議必須辦理定期停學者，應令休學。

Những hạng mục trên, sau khi được Ủy ban khen thưởng và xử phạt dành cho sinh viên quyết định cần phải nghỉ học có thời hạn, thì phải làm bảo lưu.

十二、凡合於下列之一者，經學生獎懲委員會審議通過得予退學：

Nếu có một trong những trường hợp sau, sau khi thông qua Ủy ban khen thưởng và xử phạt dành cho sinh viên quyết định, sẽ bị đuổi học:

(一) 定期察看期間再犯記過以上處分者。

Trong thời gian quan sát định kỳ, tái phạm và bị xử phạt ghi lỗi trở lên.

(二) 在學期間功過相抵後，滿三大過者。

Trong thời gian theo học, dùng công bù vào, còn 3 lần Lỗi lớn.

(三) 定期察看經撤銷，重犯重大過失者。

Thời gian quan sát định kỳ đã được bãi bỏ, nhưng tái phạm với tình tình tiết nghiêm trọng.

(四) 參加校外不良組織或流氓集團或在校內成立違法之不良組織者。

Tham gia vào các tổ chức bất hợp pháp, nhóm xã hội đen bên ngoài trường học, hoặc thành lập các tổ chức bất hợp pháp trong trường học.

(五) 執行校務貪污舞弊，情節嚴重者。

Có hành vi tham ô, gian lận trong việc thực hiện công vụ của nhà trường, tình tiết nghiêm trọng.

(六) 觸犯法令，經法院判刑確定，未受緩刑之宣告者。

Vi phạm pháp luật, tòa án đã tuyên án xác nhận, mà không được hưởng án treo.

(七) 依本校學則規定應予退學者。

Sinh viên bị đuổi học theo quy định của Nội quy học tập.

(八) 有施暴、竊盜、侵佔、毀損、霸凌、縱火等具體事實，嚴重影響校園秩序與安寧者。

Những sự việc cụ thể liên quan đến bạo lực, trộm cắp, chiếm đoạt, phá hoại, bắt nạt, phóng hỏa, v.v., làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh và trật tự của trường học.

(九) 其他經獎懲委員會審議通過退學者。

Những trường hợp khác được Ủy ban khen thưởng và xử phạt quyết định đuổi học.

- 十三、學生操行成績未達六十分以上者，提交學生獎懲委員會審議通過定期察看、退學之懲處。
Sinh viên có điểm hạnh kiểm không đạt từ 60 trở lên, sau khi trình lên Ủy ban khen thưởng và xử phạt sinh viên, quyết định xử phạt quan sát định kỳ hoặc đuổi học.
- 十四、學生註冊入學後，經發現入學考試時有舞弊情事及所繳驗證件有偽造、變造、冒用、等不實情事即註銷學籍；不發給任何就學證明，如於畢業後始被發現者，除註銷其學位證書外，並公告取消其畢業資格。
Sinh viên sau khi đăng ký nhập học, nếu phát hiện có gian lận trong kỳ thi tuyển sinh và giả mạo, thay đổi các giấy tờ chứng nhận đã nộp, cùng những sự việc không trung thực khác, thì sẽ bị hủy tư cách sinh viên, không phát bất kỳ giấy chứng nhận nhập học nào; nếu bị phát hiện sau khi tốt nghiệp, ngoài việc bị hủy bằng cấp học vị, sẽ bị công cáo về việc hủy tư cách tốt nghiệp của sinh viên đó.
- 十五、嘉獎、小功、申誡、小過之獎懲，得按行政系統簽請學務長逕予核定。大功、大過、定期察看、退學與開除學籍之懲罰，應經學生獎懲委員會審議通過後實施。
Thưởng phạt đối với Khen thưởng, Công nhỏ, Cảnh cáo, Lỗi nhỏ, có thể dựa theo hệ thống hành chính để trình Trường phòng Học vụ phê duyệt. Công lớn, Lỗi lớn, Quan sát định kỳ, đuổi học và hủy tư cách sinh viên, cần thông qua Ủy ban khen thưởng và xử phạt sinh viên để thực hiện.
- 十六、學生定期察看期間改過遷善表現良好，且獲有記功之獎勵者，本於功過相抵之原則准於撤銷定期察看。
Sinh viên trong thời gian quan sát định kỳ, có sự thay đổi và biểu hiện tốt, đồng thời được ghi công khen thưởng, dựa theo nguyên tắc lấy công bù lỗi, thì có thể cho phép bãi bỏ thời gian quan sát định kỳ.
- 十七、學生休學期間如有表現優良或違犯校規者，本校得視情節輕重，予以獎勵或處分。
Sinh viên trong thời gian bảo lưu, nếu có biểu hiện tốt hoặc vi phạm nội quy, nhà trường sẽ dựa theo tình tiết nặng nhẹ, để khen thưởng hoặc xử phạt.
- 十八、特殊獎勵由學務處簽請校長核定辦理。
Những khen thưởng đặc biệt, sẽ do Phòng giáo vụ trình Hiệu trưởng phê duyệt và thực hiện.
- 十九、學生在校期間功過累積計算，功過相抵時不同等之獎懲可以折合計算。
Sinh viên trong thời theo học, tích lũy công trạng, lấy công bù lỗi những khen thưởng và xử phạt không giống nhau, có thể gộp vào để tính.
- 二十、本校學生有重大違規事件或特殊行為時，處理方式：
Khi sinh viên của trường có sự việc vi phạm đặc biệt nghiêm trọng hoặc hành vi đặc biệt thì phương pháp xử lý:
- (一) 應即通知其家長或監護人。
Cần lập tức thông báo cho phụ huynh hoặc người giám hộ.

(二) 未滿18歲者記小過以上懲處，須另行通知其家長或監護人。

Hình phạt lỗi nhỏ trở lên với người chưa đủ 18 tuổi, phải thông báo riêng cho phụ huynh hoặc người giám hộ.

二十一、學生在校期間違犯上述條文，依所列條文懲處外，其情節已嚴重觸法者，依法處理，惟經被害人切結同意不追訴者，學校應依其違犯情節輕重提交學生獎懲委員會討論議處。

Sinh viên trong thời gian theo học, vi phạm các điều khoản ở trên, ngoài xử phạt theo các điều khoản đã nêu trên, nếu tình tiết vi phạm pháp luật nghiêm trọng, sẽ xử lý theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, nếu nạn nhân cam kết đồng ý không truy tố, nhà trường nên dựa theo tình tiết vi phạm nặng nhẹ, trình Ủy ban khen thưởng và xử phạt sinh viên để thảo luận và quyết định.

二十二、學生在校期間已修滿學分，且經學業成績考核合格，惟因涉校園性侵害、性騷擾或性霸凌事件之行為，尚在調查處理程序中，應配合本校性別平等教育委員會完成調查者，准予畢業方可核發畢業證書。

Sinh viên đã học đủ các tín chỉ trong thời gian theo học, và đạt thành tích học lực hợp lệ sau khi khảo sát, tuy nhiên do các hành vi liên quan đến xâm hại tình dục, quấy rối tình dục hoặc bạo lực tình dục trong khuôn viên trường, vẫn trong quá trình điều tra và xử lý, cần phối hợp với Ủy ban giáo dục bình đẳng giới của nhà trường để điều tra, nếu đủ điều kiện tốt nghiệp thì được cấp chứng chỉ tốt nghiệp.

二十三、本要點經學生獎懲委員會審議通過，陳請校長核定後公布實施，並報教育部備查，修正時亦同。

Các điểm chính này, sau khi thông qua Ủy ban khen thưởng và xử phạt sinh viên, trình Hiệu trưởng phê duyệt và công bố thực hiện, đồng thời trình báo Bộ giáo dục, xử lý tương tự khi có sửa đổi.